

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 33

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Miến thịt bò, bí ngòi, cải bó xôi, hành lá, ngô rí
- Uống sữa Netsure
Trưa: Com trắng
- Trứng chiên tôm tươi, đậu cove, hành lá
- Canh bí xanh nấu thịt heo, nấm rơm, hành ngò
Xế: Dưa lưới
Xế chiều: Súp cua biển su su, bắp mỹ, nấm kim châm, hành ngò, trứng gà, bột năng

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	350	3,140	10,990
2	0494	Đường cát	300	3,880	11,640
3	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	200	4,400	8,800
4	N0966	Muối Iot	100	740	740
5	0004	Gạo tẻ máy	1,800	2,560	46,080
6	0120	Hành lá (hành hoa)	100	5,460	5,460
7	0164	Rau mùi (ngô rí)	100	8,930	8,930
8	0119	Hành tím (hành củ tươi)	100	6,300	6,300
9	0185	Tỏi ta	100	7,460	7,460
10	0038	Miến dong	500	5,390	26,950
11	0648	Bí ngòi (Bí Nhật Bán)	200	6,510	13,020
12	N0779	Cải bó xôi	200	8,190	16,380
13	0286	Thịt bò loại II	500	36,750	183,750
14	0052	Đậu cô ve (hạt)	100	7,140	7,140
15	0451	Trứng gà công nghiệp	200	7,333.3	14,667
16	0424	Tôm sú	600	32,030	192,180
17	0084	Bí đao (bí xanh)	500	4,620	23,100
18	0211	Nấm rơm	100	14,180	14,180
19	N0770	Thịt nạc dăm	400	18,480	73,920
20	0667	Dưa lưới	1,000	6,200	62,000
21	0649	Bột năng	200	4,675	9,350
22	N0965	Nấm kim châm	100	10,610	10,610
23	0180	Su su	200	3,470	6,940
24	N0810	Thịt cua tươi	250	92,400	231,000
25	0007	Ngô bắp tươi	100	4,200	4,200

26	0457	Sữa bột toàn phần	604.7	20,500	123,964
27	0443	Trứng vịt	1,500	6,750	101,250
Tổng cộng					1,221,001

Tổng tiền thực phẩm	1,221,001
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	1,221,001
Số dư đầu ngày	1
Số dư cuối ngày	0
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	6,882,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	6,882,000

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan